

BÀI 2: GỖ CỬA TRÁI TIM

Môn: Ngữ văn 6 ; Số tiết: 12 tiết (Từ tiết 17 đến tiết 28)

TUẦN 6

TIẾT PPCT: 21, 22

VĂN BẢN

MÂY VÀ SÓNG

(Rabindranath Tagore)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Nhận diện được đặc điểm nhất quán của tác phẩm: bài thơ là lời yêu thương của nhà thơ dành cho trẻ em, là tình mẫu tử thiêng liêng thấm đượm trong từng yếu tố hình thức như: sự lặp lại có biến đổi trong cấu trúc của bài thơ, giọng điệu tâm tình trò chuyện, các biện pháp tu từ...
- Nắm được những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả
- Năng lực thu thập thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân, hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc

2. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu gia đình, hiếu và trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Các phương tiện kỹ thuật dạy học; tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động: Xác định vấn đề

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế khám phá kiến thức nội dung bài học.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp gợi mở vấn đề. Phương pháp đàm thoại
- c. Sản phẩm:** Trao đổi, chia sẻ giữa học sinh với học sinh và học sinh với giáo viên.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt vấn đề: Chúng ta ai cũng đều được bố mẹ sinh ra, nuôi nấng, chăm sóc, bảo ban. Chúng ta ai cũng muốn trở thành con ngoan, trò giỏi, nghe lời bố mẹ và thầy cô. Vậy em có tự thấy mình là một người con ngoan không? Đã bao giờ em nói dối bố mẹ hay đi chơi mà không nói với bố mẹ chưa? Những lúc đó, bố mẹ em có phản ứng thế nào và em cảm thấy như thế nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS chia sẻ những trải nghiệm của bản thân để trả lời các câu hỏi. Làm việc cá nhân. Sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi – đáp, gợi mở.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS chia sẻ những trải nghiệm của bản thân khi gặp phải những tình huống trên. GV cùng đồng cảm với HS thông qua 1 vài tình huống thường xảy ra trong cuộc sống.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung những câu trả lời còn thiếu thông tin.</p> <p style="text-align: center;">GV ghi tên bài học lên bảng</p>	<p>- HS có kỹ năng chia sẻ câu chuyện bản thân để trả lời câu hỏi.</p> <p>Giới thiệu bài mới: Chúng ta sẽ không tránh khỏi những lúc ham chơi mà quên không nói với bố mẹ. Chúng ta có những lúc quên đi gia đình đầy yêu thương của mình, để đi khám phá những điều ta cho là hấp dẫn ở bên ngoài. Nhưng gia đình vẫn cứ luôn ở đó? Luôn chờ chờ, vỗ về, động viên ta, cho ta một chỗ dựa tinh thần vững chắc. Em bé trong bài thơ <i>Mây và sóng</i> của Tagore đã đi chơi quên đường về, hay ở nhà với mẹ? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu nhé!</p>

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

- a. Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc văn bản và hiểu nghĩa của 1 vài từ ngữ khó.
- b. Nội dung:** Hướng dẫn HS đọc văn bản, phương pháp thuyết trình, đàm thoại, gợi mở, hợp tác.
- c. Sản phẩm học tập:** Học sinh tiếp thu kiến thức và câu trả lời của học sinh .

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản, đọc mẫu 1 đoạn sau đó gọi HS đọc phần còn lại của văn bản.(Chú ý khi đọc cần phải có giọng đọc to, rõ ràng, điều chỉnh âm lượng, tốc độ đọc vừa phải để có sự suy ngẫm..)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV đọc mẫu 1 đoạn văn bản, gọi HS đọc thành tiếng đoạn còn lại của văn bản.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV đọc đoạn 1 từ đầu -> <i>bầu trời xanh thẳm</i>, gọi 1 HS đọc đoạn còn lại của văn bản GV gọi 1 HS nhận xét cách đọc văn bản của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản</p> <p>1. Đọc văn bản</p>
<p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc phần giới thiệu về tác giả và tác phẩm (<i>SGK tr 46</i>) GV: Qua phần đọc về tác giả, em hãy nêu những nét chính về tác giả và tác phẩm Mây và sóng.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gọi 1 HS đọc phần giới thiệu về tác giả (<i>SGK tr 46</i>). GV cho HS làm việc cá nhân, đàm thoại, thuyết trình.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi, theo hình thức cá nhân. GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>1. Tác giả, tác phẩm</p> <p>→ Tác giả Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go (1861 – 1941), sinh ra và lớn lên tại đất nước Ấn Độ</p> <p>- Là danh nhân văn hóa, nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. Thơ Tagore chan chứa tình yêu đất nước, con người, cuộc sống,...</p>

GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết)

→ Tác phẩm: *Mây và sóng* được in trong tập *Trăng non* – Tập thơ R.Ta-go viết cho trẻ thơ.

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

a. Mục tiêu

- Nhận biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Nhận diện được đặc điểm nhất quán của tác phẩm: bài thơ là lời yêu thương của nhà thơ dành cho trẻ em, là tình mẫu tử thiêng liêng thấm đượm trong từng yếu tố hình thức như: sự lặp lại có biến đổi trong cấu trúc của bài thơ, giọng điệu tâm tình trò chuyện, các biện pháp tu từ...

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề, thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Sử dụng phiếu học tập GV đánh giá, thu về lưu trữ trong hồ sơ học tập môn Ngữ văn.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV1: Đọc bài thơ <i>Mây và sóng</i> ta như được nghe kể một câu chuyện. Theo em ai đang kể với ai và kể về điều gì?</p> <p>GV2: Phương thức biểu đạt của văn bản là gì? Có sự kết hợp nào ở đây không?</p> <p>GV3: Văn bản <i>Mây và sóng</i> có hình thức khác với văn bản Chuyện cổ tích về loài người như thế nào? Về số tiếng trong các dòng không bằng nhau, không vần, v.v</p> <p>GV4: Bài thơ có thể được chia làm mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS làm việc cá nhân, đàm thoại (GV với HS), trả lời câu hỏi 1, 2, 3.</p> <p>GV cho HS thảo luận nhóm câu hỏi 4.</p> <p>Chia lớp ra làm 4 nhóm để tìm hiểu bố cục của văn bản. (thời gian khoảng 3 ->4 phút). GV đi hỗ trợ các nhóm, nếu có yêu cầu và cần sự trợ giúp.</p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản</p> <p>1. Đọc hiểu hình thức</p>

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3.

GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

GV gọi 2 HS nhóm 1, 3 trình bày kết quả thảo luận (câu hỏi 4).

GV gọi HS nhóm 2, 4 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết)

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào? Thế giới đó có gì hấp dẫn?

GV2: Cách đến với thế giới của họ có gì là đặc biệt?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cặp đôi (theo bàn học) trả lời 2 câu hỏi (thời gian 1->2 phút).

GV sử dụng phương pháp đàm thoại 1-1.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 ->2 HS trình bày kết quả thảo luận.

GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 3

→Lời kể: Con đang kể cho mẹ nghe.
Câu chuyện kể về: Cuộc trò chuyện của con với mây và sóng.

→Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.

→Thể thơ: Thơ tự do (thơ văn xuôi)

→Bố cục: 2 phần

+ Phần 1: Từ đầu -> bầu trời xanh thẳm (Câu chuyện của em bé với những người “trên mây”)

+ Phần 2: Tiếp theo -> hết (Câu chuyện của em bé với những người “trong sóng”)

2. Đọc hiểu nội dung

2.1. Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”

→Thế giới của những người sống “trên mây”, “trong sóng”:

+ Thế giới của những người sống “trên mây”: Rực rỡ, lung linh, huyền ảo (ánh sáng mặt trời vàng buổi bình minh, ánh sáng vàng trắng bạc khi đêm về);

+ Thế giới của những người sống “trong sóng”: Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp chốn từ khi thức dậy cho đến chiều tà).

=> Thế giới đó rất xa xôi, cao rộng, rực rỡ sắc màu, chứa đựng biết bao điều bí ẩn

→Điều đặc biệt: Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời. Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Đầu tiên, em bé nói gì với những người “trên mây” và “trong sóng”? Tại sao em bé không từ chối ngay lời mời của họ?

GV2: Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, hỏi – đáp, thuyết trình, nêu tình huống có vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 ->2 HS trả lời câu hỏi 1.

GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

GV gọi 1 ->2 HS trả lời câu hỏi 2.

GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 4**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV1: Em bé đã sáng tạo ra những trò chơi gì? Đó là những trò chơi nào? Trò chơi đó có gì thú vị so với lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?

GV2: Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm chia lớp ra làm 6 nhóm trả lời 2 câu hỏi (thời gian từ 2 ->3 phút)

Nhóm 1, 2, 3 (câu hỏi 1); nhóm 4, 5, 6 (câu hỏi 2).

GV hỗ trợ các nhóm dùng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi nhóm 1 trình bày câu hỏi 1, nhóm

→Đầu tiên em bé đã hỏi những người “trên mây” và “trong sóng” làm cách nào để có thể đến những nơi như họ đến. Em bé không từ chối ngay vì em bé có khát khao mong muốn được khám phá.

→ Em bé từ chối lời mời của họ vì tình cảm em dành cho mẹ, vì em biết mẹ đang chờ em.

2.2. Lời từ chối của em bé

→Em bé đã sáng tạo ra hai trò chơi để em

2, 3 nhận xét, bổ sung nội dung của nhóm bạn.

GV gọi nhóm 4 trình bày câu hỏi 2, nhóm 5, 6 nhận xét, bổ sung nội dung của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Tình cảm của em bé đã dành tình cảm cho mẹ như thế nào? Vậy thì cảm của mẹ dành lại cho em bé ra sao?

GV2: Chủ đề của bài thơ là gì?

(GV sử dụng phiếu học tập)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS sử dụng phiếu học tập, thảo luận nhóm, chia lớp ra từ 4 ->6 nhóm (thời gian từ 3 ->4 phút)

GV phát phiếu học tập và hỗ trợ cho HS.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV cho HS nhóm 1, 3 trình bày kết quả theo phiếu học tập.

GV gọi HS nhóm 2, 4 nhận xét, bổ sung nội dung của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 6

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

và mẹ hóa thân thành mây và trăng, sóng và biển. Trò chơi đó thú vị hơn những lời mời kia vì em vừa có thể thỏa mãn khát khao trở thành mây, thành sóng, vừa được quần quýt bên mẹ.

→ Những trò chơi ấy thể hiện tình mẫu tử sâu sắc, thiêng liêng và sâu đậm trong tâm khảm của con người.

2.3. Tình cảm của hai mẹ con

→ Tình cảm em bé dành cho mẹ:

- Luôn muốn ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ;
- Sáng tạo ra những trò chơi thú vị để mẹ có thể chơi cùng;

→ Tình cảm mẹ dành cho em bé

- Mẹ luôn muốn ở bên để chăm sóc, chở che, vỗ về: *mẹ mình đang đợi ở nhà, buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà;*

- Mẹ giống như ánh trăng dịu hiền soi sáng từng bước con đi, bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về;

- *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào*

→ Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông.

→ Cả bài thơ là tương quan của tình mẫu tử với thiên nhiên, vũ trụ. Ca ngợi, tôn vinh tình mẫu tử bao la, thiêng liêng và vĩnh cửu.

3. Tổng kết văn bản

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS ôn lại kiến thức bài học “Mây và sóng” qua cách giải quyết các tình huống có thể xảy ra trong cuộc sống.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, đàm thoại, hợp tác, gợi mở, nêu vấn đề.

c. Sản phẩm học tập: Nội dung các tình huống được giải quyết hợp lý.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho có thể chiếu lên bảng 3 tình huống hoặc phát phiếu học tập để HS giải quyết các tình huống.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS đọc kỹ 3 tình huống, nghiên cứu và giải quyết tình huống theo ý hiểu của cá nhân. GV có thể gợi mở, nêu vấn đề. (Thời gian từ 3 -> 4 phút)</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 3 HS lên giải quyết 3 tình huống theo ý hiểu của HS. GV gọi 3 HS nhận xét, bổ sung nội dung tình huống của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>→ Cách xử lý tình huống tối ưu nhất, hợp lý, lô gic phù hợp với lứa tuổi học sinh được chấp nhận (không có đúng – sai).</p>

Tình huống 1: Nếu có bạn rủ em đi chơi và em thấy rất thú vị, nhưng ở nhà em vẫn còn bài tập chưa làm xong, bố mẹ cũng muốn em ở nhà để giúp đỡ bố mẹ, em sẽ làm gì?

Tình huống 2: Nếu có bạn rủ em đi chơi, nhưng cả tuần mới có một ngày nghỉ, em muốn dành thời gian để đi chơi với gia đình, em sẽ làm gì?

Tình huống 3: Nếu em được đi chơi, em rủ bạn em đi cùng, nhưng bạn lại từ chối vì còn bài tập phải hoàn thành, vì còn cần ở nhà phụ giúp bố mẹ hay vì bạn muốn dành thời gian cho gia đình của bạn, em sẽ có thái độ và ứng xử như thế nào?

4. Hoạt động 4: Vận dụng (Thời gian nếu ở trên lớp không đảm bảo GV có thể cho HS về nhà thực hiện, tiết sau GV kiểm tra nội dung)

Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (khoảng 5 -> 7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Thực hành tiếng Việt**

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các ví dụ cụ thể.
- Ôn tập, củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ, công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp), đại từ nhân xưng đã được học ở Tiểu học thông qua một số bài tập nhận diện và phân tích.
- Nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ.
- Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc

2. Phẩm chất: Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng Việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ chia sẻ.

II. Thiết bị dạy học và học

1. Chuẩn bị của giáo viên: Máy tính, giấy A0, kế hoạch bài dạy (giáo án), phiếu bài tập. Dự kiến một số tình huống khó khăn có thể xảy ra với học sinh.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi...

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế khám phá kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Học sinh giải đoán ô chữ. Sử dụng phương pháp gợi mở vấn đề, đàm thoại, trực quan

c. Sản phẩm: Kết quả câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV tổ chức trò chơi tìm ô chữ bí mật cho HS (Bảng 2 cách: Chiếu màn hình hoặc chuẩn bị giấy Roki)</p> <p>GV1: Tác giả của bài thơ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là ai? Gồm có 9 chữ cái</p> <p>GV2: Rabindranath Tagore là nhà thơ của nước nào? Gồm có 4 chữ cái</p> <p>GV3: Điền từ còn thiếu trong đoạn thơ sau gồm</p>	

có 7 chữ cái.

Trời sinh ra trước nhất

Chỉ toàn là trẻ con

Trên trái đất trụi trần

Không [...] ngọn cỏ

GV4: Bài thơ *Mây và sóng* của Tagore ngợi ca tình cảm nào của con người? Gồm có 9 chữ cái

GV5: Em hãy tìm từ khóa hàng dọc gồm có 4 chữ cái.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS tìm từng ô chữ hàng ngang (câu hỏi 1 tương ứng với các ô chữ số 1; và các hàng chữ tiếp theo).

GV cho HS suy nghĩ độc lập để tìm ra câu trả lời. (thời gian cho mỗi câu hỏi khoảng 1 phút)

GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, hỏi đáp (1-1). Nếu câu hỏi học sinh lúng túng thì GV có thể gợi mở khi học sinh gặp khó khăn để tìm đáp án.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 4 học sinh trả lời 4 ô hàng ngang.

GV gọi 1 đến 2 học sinh trả lời ô từ khóa.

GV gọi học sinh bất kì bổ sung nếu bạn trả lời chưa đúng.

GV khuyến khích học sinh trả lời nhanh, đúng đáp án thì tuyên dương trước lớp hoặc trao phần thưởng bằng những món quà mang giá trị tinh thần (tràng pháo tay của lớp, lời hô: “Bạn thật là tuyệt vời“ ...)

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét tinh thần, không khí tham gia trò chơi của học sinh (*GV ghi tên bài học lên bảng*)

Đáp án các ô chữ

Ô chữ 1: XUÂN QUỲNH

Ô chữ 2: ÁN ĐỘ

Ô chữ 3: DÁNG CÂY

Ô chữ 4: TÌNH MẪU TỬ

Ô từ khóa: ÁN DỤ

Giới thiệu vào bài mới: Ở tiết học trước, các em đã làm quen với biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ. Trong tiếng Việt còn có một biện pháp tu từ khác rất gần với biện pháp tu từ so sánh và thường được sử dụng trong thơ văn đó là biện pháp ẩn dụ. Vậy ẩn dụ là gì? chúng ta cùng nhau đi vào bài học ngày hôm nay.

Bảng ô chữ

				X	U	Â	N	Q	U	Y	N	H
					Á	N	Đ	Ộ				
						D	Á	N	G	C	Â	Y
T	Ì	N	H	M	Ã	U	T	Ử				

2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề

a. Mục tiêu:

- Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các ví dụ cụ thể
- Ôn tập, củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ, công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp), đại từ nhân xưng đã được học ở Tiểu học thông qua một số bài tập nhận diện và phân tích.
- Nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ.
- Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.

b. Nội dung: Học sinh sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. Sử dụng phương pháp trực quan, dạy học theo mẫu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và kỹ năng phân tích, trình bày tự tin, mạch lạc

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS làm một số bài tập trong SGK trang 47 (Cho HS đọc thứ tự các bài tập thực hiện ở trên lớp). Bài tập: 1, 2, 3.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS thảo luận nhóm có thể chia lớp làm 6 nhóm để làm bài tập. Nhóm 1, 3 làm BT1 Nhóm 2, 4 làm BT2 Nhóm 5, 6 làm BT3 GV cho HS thảo luận từ 5 ->6 phút. GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác kết hợp khăn trải bàn. Mỗi nhóm cử một nhóm trưởng nêu nhiệm vụ của nhóm, quan sát các thành viên thảo luận, tổng hợp ý kiến, chốt nội dung trả lời. GV theo dõi và hướng dẫn học sinh làm bài tập</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV có thể gọi bất kỳ 1 HS trong các nhóm lên bảng trình bày kết quả (cho HS dán kết quả lên bảng cho các nhóm còn lại quan sát) GV gọi 1 HS nhóm 1, 1 HS nhóm 2, 1 HS nhóm 5 lên bảng trình bày.</p>	<p>1. Biện pháp tu từ Bài tập 1 SGK tr 47</p> <p>- Từ “Mây” và “sóng” là ẩn dụ cho: - Ý nghĩa: Thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, đầy hấp dẫn. Mở ra những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí. Những cảm dỗ trong cuộc sống.</p> <p>Bài tập 2 SGK tr 47 - Biện pháp tu từ ẩn dụ “<i>bình minh vàng</i>” tác</p>

GV gọi 1 HS nhóm 3 nhận xét nhóm 1, bổ sung nội dung còn thiếu của nhóm bạn.

GV gọi 1 HS nhóm 4 nhận xét nhóm 2, bổ sung nội dung còn thiếu của nhóm bạn.

GV gọi 1 HS nhóm 6 nhận xét nhóm 5, bổ sung nội dung còn thiếu của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự rút ý chính ghi vào vở viết).

GV tuyên nhận xét thân làm việc nhóm của từng nhóm.

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Thông qua phần tìm hiểu tri thức ngữ văn và thực hành làm bài tập em hiểu thế nào là biện pháp tu từ ẩn dụ? Nêu tác dụng của phép tu từ ẩn dụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc theo cặp đôi, trao đổi chia sẻ nội dung yêu cầu, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS trả lời các khái niệm về phép tu từ ẩn dụ và nêu tác dụng.

GV gọi 1 vài HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS lần lượt đọc 2 bài tập (bài tập 4, 5) SGK trang 47.

Bt4: Tìm dấu câu đánh dấu những lời nói trực tiếp.

Bt5: “bọn tớ” ... bài **Mây và sóng** dùng

dụng: Đã mở ra 1 không gian tràn ngập ánh sáng mặt trời rực rỡ, lấp lánh: ánh sáng chan hòa trong khắp không trung, dát vàng lên vạn vật.

- Biện pháp tu từ ẩn dụ “vàng trắng bạc” tác dụng: mỹ lệ hóa vẻ đẹp của vàng trắng: sáng lấp lánh như 1 chiếc đĩa làm bằng bạc.

Bài tập 3 SGK tr 47

→ Điệp ngữ *lăn* vừa có ý nghĩa tả thực hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác, vừa gợi hình tượng những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỗ vào bờ cát.

→ Gợi hình ảnh em bé vô tư hồn nhiên, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con.

→ **Ẩn dụ** là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

2. Dấu câu và đại từ

Bài tập 4 SGK tr 47

<p>để chỉ những ai? GV: Em hãy nêu một số đại từ nhân xưng mà em biết? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS lần lượt đọc 2 bài tập (bài tập 4, 5) SGK trang 47. GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi để thảo luận bài làm 4, 5. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 4 HS lên trình bày BT 4, 5 và nêu 1 số đại từ nhân xưng mà em biết. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự ghi nội dung chọn lọc).</p>	<p>→Lời dẫn trực tiếp trong bài thơ là của em bé và của những người “trên mây” những người “trong sóng”. Dấu câu dùng để đánh dấu những lời nói trực tiếp là dấu ngoặc kép. Bài tập 5 SGK tr 47 <i>Bạn tớ:</i> trong những lời nói trực tiếp ở bài “Mây và sóng” dùng để chỉ những người “trên mây” và “trên sóng” là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói. →Đại từ nhân xưng thường dùng để xưng hô (tôi, chúng tôi, chúng ta...); để hỏi (ai, gì, bao nhiêu, mấy, thế nào...)</p>
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ, dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.
- b. Nội dung:** Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm, trình bày rõ ràng. Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác.
- c. Sản phẩm:** Kết quả học tập của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Cho HS đọc bài tập 6 SGK tr 47 và làm bài tập theo yêu cầu. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS đọc bài tập 6 và HS làm việc nhóm, chia lớp làm 6 nhóm để thảo luận, thời gian từ 4 -> 5 phút. GV đi hỗ trợ HS và phân tích, gợi mở, nêu vấn đề. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 3 HS đại diện cho 3 nhóm lên trình bày</p>	<p>3. Luyện tập Bài tập 6 SGK tr 47 →Các đại từ khác như: <i>chúng ta,</i></p>

<p>bài tập 6. GV gọi 1 vài HS đại diện các nhóm khác lên nhận xét, bổ sung nội dung bài tập 6. Bước 4: Kết luận nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự ghi nội dung chọn lọc).</p>	<p><i>chúng tôi, chúng mình, chúng tớ ...</i> tuy ít nhiều có sự khác nhau, nhưng có thể dùng để thay cho <i>bọn tớ</i> trong bản dịch tiếng Việt của bài Mây và sóng.</p>
---	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực viết một đoạn văn ngắn có sử dụng dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng và biện pháp tu từ ẩn dụ. Phát triển kỹ năng luyện từ, đặt câu. Kỹ năng trình bày tự tin, trôi chảy.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để vận dụng viết đoạn văn. Sử dụng biện pháp giải quyết vấn đề.

c. Sản phẩm: Đoạn văn ngắn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Tưởng tượng em là em bé trong bài <i>Mây và sóng</i>. Hãy viết một đoạn văn ngắn (<i>khoảng 5->7 câu</i>) nêu cảm nhận của em về những người bạn trong bài thơ. Trong đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng và biện pháp tu từ ẩn dụ.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV nêu lên vấn đề cần giải quyết. HS suy nghĩ và thực hiện viết đoạn văn khoảng 8 phút HS phân tích các yêu cầu của đề bài. Định hướng cách viết đoạn văn đảm bảo cả nội dung và hình thức GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV 1 đến 2 gọi học sinh trình bày đoạn văn. GV gọi 2 học sinh khác nhận xét bài của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, đánh giá GV nhận xét, đánh giá hình thức và nội dung đoạn văn. (Dùng phiếu Rubric đánh giá viết đoạn văn của HS) GV nhận xét tinh thần viết đoạn văn của HS.</p>	<p>4. Vận dụng</p> <p>- HS lên trình bày bài viết (đoạn văn)</p>

PHIẾU RUBRIC ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN

NHÓM/CÁ NHÂN: Lớp 6

	Phân chấm điểm
--	-----------------------

Tiêu chí		CD 1 đ	TB 2 đ	Khá 3 đ	Tốt 4 đ	XS 5 đ
Hình thức	Đoạn văn ngắn gọn khoảng 5 -7 câu, Các câu văn có sự liên kết chặt chẽ, Lời văn trong sáng, trôi chảy (5 điểm)					
	Có thể trình bày theo tổng -phân-hợp (Hoặc theo cách riêng của HS) (5 điểm)					
Nội dung	Nêu được cảm nhận của em về những người bạn trong bài thơ: Mây và Sóng. (10 điểm)					
	Có sử dụng dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng và biện pháp tu từ ẩn dụ. Giàu biểu cảm, cảm xúc chân thành (10 điểm)					
Trình bày	Tự tin, rõ ràng, diễn cảm (5 điểm)					

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học, làm BT còn lại trong SGK trang 47 và soạn bài phân đọc: **Bức tranh của em gái tôi** của *Tạ Duy Anh*

TIẾT PPCT: 24
VĂN BẢN

BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

(Tạ Duy Anh)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Củng cố kiến thức về người kể chuyện ngôi thứ nhất đã được học ở bài 1. *Tôi và các bạn*
- HS Cảm nhận và biết trân trọng tình cảm gia đình.
- Năng lực thu thập thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bức tranh của em gái tôi*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc

2. Phẩm chất: Đoàn kết, nhân ái, yêu thương gia đình và cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, sách bài tập Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế bài học cho HS khắc sâu kiến thức nội dung kiế thức bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề, trao đổi, chia sẻ.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: Ở nhà, em có anh chị hay có em trai, em gái không? Em với anh/chị/em của em đối xử với nhau như thế nào trong cuộc sống?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS chia sẻ câu chuyện của cá nhân, sử dụng phương pháp vấn đáp (1-1), thuyết trình. (Thời gian từ 1->2 phút)</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS chia sẻ câu chuyện cho cả lớp nghe theo câu hỏi yêu cầu. GV và HS cùng lắng nghe câu chuyện.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung những câu trả lời còn thiếu thông tin. (GV ghi tên bài học lên bảng)</p>	<p>- HS làm việc cá nhân để chia sẻ câu chuyện bản thân.</p> <p>Giới thiệu vào bài mới: Trong một gia đình, có thể có nhiều thế hệ như: ông bà, bố mẹ, con cái. Những người con trong một gia đình chính là những người cùng thế hệ, có sự gắn gũi trong cách nghĩ và cảm nhận thế giới. Đó có thể là anh trai, chị gái, em gái hoặc em trai của chúng ta. Hai anh em trong văn bản Bức tranh của em gái tôi đã yêu thương nhau như thế nào? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.</p>

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và cần nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, vấn đáp

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. Đọc tiếp xúc văn bản

Bức tranh của em gái tôi và chỉ ra nội dung của mỗi phần là gì ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS đọc thành tiếng theo cá nhân.

GV cho HS thảo luận cặp đôi (theo bàn học) thời gian từ 3 -> 4 phút.

GV hỗ trợ các nhóm, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV đọc đoạn 1 mẫu, sau đó gọi 2 HS đọc thành tiếng 2 đoạn văn còn lại.

GV gọi 3 -> 4 HS trả lời câu hỏi 1, 2

GV gọi HS khác nhận xét 2 bạn đọc văn bản và 2 HS nhận xét câu hỏi 1, 2 và bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý chính ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Trước khi cả nhà biết tài năng của Kiều Phương, thái độ của nhân vật “tôi” với em gái mình ra sao?

GV2: Em hãy cho biết khi cả nhà phát hiện ra tài năng của nhân vật bé Kiều Phương, nhân vật “tôi” đã có tâm trạng như thế nào?

GV3: Nhân vật “tôi” đã thay đổi ra sao sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ? Vì sao có sự thay đổi ấy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân (hỏi – đáp), gợi mở, nêu vấn đề. Câu hỏi 1, 2

Câu hỏi 3 mức độ vận dụng GV chia nhóm để thảo luận (chia 6 nhóm, thời gian từ 3 ->4 phút)

GV hỗ trợ cho các nhóm có khó khăn trong học tập.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

→ Nhân vật chính: Kiều Phương (Mèo)

- Truyện được kể theo ngôi thứ nhất, người anh trai kể, nhân vật xưng “tôi”.

→Bố cục: Chia làm 3 phần

+ Phần 1: Từ đầu ->*vui lắm*: Giới thiệu về em gái Kiều Phương (Mèo)

+ Phần 2: Tiếp -> *để nó phát huy tài năng*: Tài năng của Mèo được mọi người phát hiện.

+ Phần 3: Còn lại: Diễn biến tâm trạng của nhân vật tôi sau khi cả nhà phát hiện và quan tâm đến tài năng của Mèo.

2. Đọc hiểu nội dung

2.1. Diễn biến tâm trạng người anh (nhân vật “tôi”).

a. Lúc đầu, trước khi mọi người phát hiện ra tài năng hội họa của Kiều Phương

GV gọi 3 -> 4 HS trả lời 2 câu hỏi đầu.
GV gọi 2 HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện ở 6 nhóm lên trả lời câu hỏi 3.

GV gọi 1 ->2 HS ở nhóm khác lên nhận xét, bổ sung kiến thức còn thiếu ở nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Nhân vật “tôi” đã thay đổi ra sao sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ? Vì sao có sự thay đổi ấy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm (theo cặp đôi) thời gian từ 2 ->3 phút.

GV đi hỗ trợ HS các nhóm khi có yêu cầu, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS báo cáo kết quả thảo luận cặp đôi.

GV gọi 1 -> 2 HS bất kì nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).

→ Trước khi cả nhà biết tài năng của bé Kiều Phương, người anh vẫn đối xử với em mình một cách bình thường.

→Người anh có tâm lý tự ti vì cảm thấy mình bất tài, từ đó hay cáu gắt với bé Mèo và không thể thân với Mèo như trước kia được nữa.

→Sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ, nhân vật “tôi” đã “sững người”, “thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ”, “muốn khóc quá”.

b. Sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ

→Khi đứng trước bức tranh được tặng giải Nhất của em gái, tâm trạng của người anh có thái độ:

+“Sững người”, “ngỡ ngàng”: Sự ngỡ ngàng khi trong mắt em gái mình lại hoàn hảo như vậy.

+“Hãnh diện” sự hãnh diện vì tài năng của em mình.

+“Xấu hổ”: xấu hổ vì đã có thái độ ích kỷ, gắt gỏng với Mèo và xấu hổ vì cả sự hãnh diện vừa xong của mình.

+“Muốn khóc quá”: Tâm trạng lên đến đỉnh điểm, muốn vỡ òa trong tất cả các trạng thái cảm xúc.

→Tại vì: Bức tranh của Kiều Phương chính là tấm lòng trong sáng và tình yêu

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Theo em Kiều Phương là một cô bé có tính cách như thế nào? Tình cảm của cô bé đã giành cho anh trai của mình là gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, sử dụng phương pháp vấn đáp, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 ->2 HS trình bày kết quả suy nghĩ của bản thân.

GV gọi 1 ->2 HS nhận xét, bổ sung kiến thức còn thiếu của bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).

Nhiệm vụ 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Em hãy chỉ ra những hành động của nhân vật Kiều Phương trước khi được mọi người phát hiện ra tài năng của bé?

GV2: Vì sao trước khi đi thi, Kiều Phương lại có vẻ hay “xét nét” anh trai mình? Việc Kiều Phương lựa chọn vẽ anh mình trong cuộc thi cho thấy cô bé là người như thế nào?

GV3: Em thích nhất đặc điểm gì của nhân vật Kiều Phương? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc độc lập (hỏi – đáp), phát vấn câu hỏi 1.

Câu hỏi 2, 3 GV cho HS sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn (chia lớp làm 6 ->8 nhóm, mỗi nhóm 5 HS nhóm lẻ) thời gian từ 5 ->6 phút.

GV chuẩn bị giấy Roki kẻ khung chia làm

thương sâu sắc của cô bé đã giúp cho người anh nhận ra sai lầm của bạn thân.

2.2. Nhân vật bé Kiều Phương

a. Tính cách của Kiều Phương

→ Tính cách: Mặt luôn bị bầm; hay lục lọi đồ vật; tự pha chế màu vẽ; vừa làm vừa hát; hồn nhiên, tinh nghịch, có tài hội họa.
- Tình cảm dành cho anh trai: Đã vẽ anh vào tranh, không để ý đến những lời gắt gỏng của anh. Có lòng nhân hậu.

b. Khi tài năng hội họa của Kiều Phương được phát hiện

5 mảng (mảng trung tâm và 4 mảng bên ngoài), có 1 nhóm trưởng ghi câu chủ đề, 4 thành viên còn lại ghi các ý trong câu trả lời.

GV đi hỗ trợ các nhóm khi có HS yêu cầu

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 ->2 HS trả lời câu hỏi 1. HS khác nhận xét, bổ sung kiến thức còn thiếu cho bạn.

GV cho các nhóm treo kết quả thảo luận nhóm lên bảng hoặc các bức tường xung quanh lớp học.

GV gọi 2 ->3 HS đại diện cho các nhóm lên trình bày kết quả câu hỏi 2, 3

GV gọi 2 -> 3 HS nhóm khác lên nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).

Nhiệm vụ 6

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Qua phần đọc hiểu văn bản em hãy cho biết nghệ thuật và nội dung mà tác giả muốn gửi gắm chúng ta điều gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm (thời gian từ 5 ->6 phút), sử dụng sơ đồ tư duy để khắc sâu kiến thức bài học.

GV phát giấy Roki, bút màu cho HS thể hiện tính sáng tạo khi thể hiện nội dung bài học.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV cho HS mang kết quả lên bảng treo cho cả lớp theo dõi kết quả của 6 nhóm.

GV gọi 3 HS của 3 nhóm lên trình bày kết

→Trước khi được mọi người phát hiện tài năng của bé Kiều Phương: tinh nghịch, lên pha chế màu để vẽ.

→Trước khi đi thi, Kiều Phương hay “xét nét” anh trai mình vì muốn nhớ gương mặt anh cho thật kỹ để vẽ vào trong tranh. Hành động này cho thấy Kiều Phương là một cô bé trong sáng, không suy nghĩ đến những chuyện anh hay gắt gỏng, là một người hồn nhiên và có lòng nhân hậu, yêu thương gia đình, đặc biệt là anh mình.

→Những đặc điểm của nhân vật Kiều Phương: Một cô bé có tình cảm trong sáng, tấm lòng nhân hậu.

- Tại vì: Đó là đức tính tốt đẹp của con người, nhờ có tình yêu thương, sự nhân hậu của Kiều Phương mà người anh trai đã nhận ra khuyết điểm, sai lầm của bản thân.

3. Tổng kết văn bản

3.1. Nghệ thuật

→Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật qua cách kể của ngôi thứ nhất.

- Ngôn ngữ kể rất gần gũi, đáng tin vì đó như một trải nghiệm được kể lại.

<p>quả thảo luận. GV gọi 3 HS nhóm khác lên nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của nhóm bạn</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).</p>	<p>3.2. Nội dung: Đề cao tình cảm yêu thương gia đình giữa hai anh em và đề cao tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét đố kỵ.</p>
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại nội dung của bài học thông qua đọc kết nối văn bản.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương hợp tác, gợi mở, nêu tình huống, giải quyết vấn đề.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của học sinh. Dùng phiếu Rubric đánh giá viết đoạn văn của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Từ các văn bản: Chuyện cổ tích về loài người; Mây và sóng; Bức tranh của em gái tôi. Em nhận thấy điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm (thời gian từ 4 ->5 phút) GV hỗ trợ các nhóm khi HS cần sự trợ giúp, sử dụng phương pháp hợp tác, nêu vấn đề, gợi mở.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 ->2 HS báo cáo kết quả thảo luận của nhóm. GV gọi 1 ->2 HS nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>→ Điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình: Tình yêu thương, lòng vị tha, bỏ qua những thói ích kỷ, sự thánh thiện, tấm lòng nhân hậu sẽ cảm hóa được những điều xấu xa, tầm thường trong cuộc sống, vượt khỏi mặc cảm, tự ti để con người có thể bảo vệ và quan tâm tới nhau hơn, để hoàn thiện tính cách của mình.</p>

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết 1 đoạn văn ngắn chia sẻ thể hiện tình cảm gia đình.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, giải quyết vấn đề
- c. **Sản phẩm học tập:** Phiếu đánh giá kỹ năng viết đoạn văn ngắn (Hình thức, nội dung)
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Em nhận thấy điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình là gì? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 -> 7 câu) để nêu quan điểm của em.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, làm vào vở ghi. GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 ->2 HS trình bày đoạn văn và xác định rõ các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa đã sử dụng trong đoạn văn đó.</p> <p>Bước 4: Kết luận, đánh giá GV nhận xét, đánh giá hình thức và nội dung đoạn văn. <i>(Dùng phiếu Rubric đánh giá viết đoạn văn của HS)</i></p>	<p>IV. Vận dụng</p> <p><i>Đoạn văn tham khảo:</i> Gia đình là điểm tựa, bến đỗ bình yên cho mỗi người. Khi chào đời, được mở mắt nhìn ra thế giới, chẳng phải hạnh phúc lớn lao nhất của chúng ta là được nhìn thấy nụ cười chào đón của cha mẹ hay sao? Cha mẹ yêu thương và chăm bẵm, nuôi nấng và dạy dỗ chúng ta nên người. Cha mẹ cho ta cuộc sống, những người anh em ruột thịt, cho ta sống trong bầu không khí yêu thương gia đình. Bởi vậy hãy trân trọng và nâng niu hạnh phúc mà bạn đang có, cùng nhau vun đắp để gia đình mãi mãi được bên nhau.</p>

PHIẾU RUBRIC ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN


NHÓM/CÁ NHÂN: Lớp 6

Tiêu chí		Phần chấm điểm				
		CĐ 1 đ	TB 2 đ	Khá 3 đ	Tốt 4 đ	XS 5 đ
Hình thức	Đoạn văn ngắn gọn khoảng 5 -> 7 câu, Các câu văn có sự liên kết chặt chẽ, Lời văn trong sáng, trôi chảy (5 điểm)					

	Có thể trình bày theo tổng -phân-hợp (Hoặc theo cách riêng của HS) (5 điểm)					
Nội dung	Nêu được cảm nhận để thể hiện tình cảm gia đình. (10 điểm)					
	Nói ra những quan điểm của em về tình cảm gia đình. (10 điểm)					
Trình bày	Tự tin, rõ ràng, diễn cảm (5 điểm)					

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.**

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN	<p align="center">GIÁO VIÊN</p>  <p align="center">Đào Văn Dũng</p>
------------------------------------	---